

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						347 806	162 599	186 007			
I		CẢNG CHÍNH						103 951	10 562	94 188			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						11 002	10 562	1 239			
1		KDT BẮC THÁI	04/08	1153/08		BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000	995	5	07/08	TD	
2		KDT BẮC THÁI	06/08	1157/08		BN 2646	CÁM 1	1 100	985	115	07/08	TD	
3		KDT BẮC THÁI	06/08	1156/08		BN 1997	CÁM 4A.1	1 000	996	4	07/08	TD	
4		CP TTC	07/08	1163/08		HN 2028	CỤC 4A.1	1 180	1 155	25	07/08	TD	
5		CATALAN	07/08	1164/08		BN 1991	CỤC 5A.1	1 600	1 592	8	08/08	TD	
6		ĐẠM NINH BÌNH	09/08	1167/08		NB 6609	CÁM 4A.1	4 092	4 040	52	09/08		
7		ĐT TMDV VINACOMIN	07/08	1161/08		BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 030	799	1 030	ĐỔ	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						92 949		92 949			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CB THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
4		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CÁN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
8		THAN SÔNG HỒNG	20/07	1058/07	31/07	BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L!
9		THAN SÔNG HỒNG	01/08	977/06	10/08	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040			GIA HẠN L3
10		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
11		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
12		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
13		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM 1	1 530		1 530		TD	
14		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
15		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
16		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
17		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
18		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
19		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
20		KDT HÀ BẮC	31/07	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	GIA HẠN L1
21		THAN SÔNG HỒNG	06/08	1077/07	21/08	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
22		THĂNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THĂNG LỢI 6668	CÁM 6A.14	5 000		5 000			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG DKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2025

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
23	ĐẠM NINH BÌNH	27/07	1118/07		NB 8657	CẨM 4A.1	4 728		4 728			
24	KDT BẮC THÁI	30/07	1128/07		BN 1111	CẨM 1	1 986		1 986		TD	
25	KDT BẮC THÁI	30/07	1129/07		BN 2033	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	
26	KDT BẮC THÁI	30/07	1130/07		BN 2276	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
27	KDT BẮC THÁI	31/07	1134/07		BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
28	KDT MIỀN BẮC	01/08	1137/07	16/08	BN 2269	CẨM 1	1 020		1 020		TD	GIA HẠN L1
29	KDT MIỀN BẮC	01/08	1138/07	16/08	BN 2699	CẨM 1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
30	DVVT QUẢNG NINH	01/08	1139/08	16/08	BN 0766	CỤC XỎ 1C	1 200		1 200		TD	
31	DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XỎ 1C	900		900		TD	
32	ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1141/08	16/08	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
33	ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1142/08	16/08	BN 1348	CỤC XỎ 1C	993		993		TD	
34	CP HÀNG HẢI VN	02/08	1445/08	15/08	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
35	SÔNG HỒNG	03/08	1146/08		BN 1809	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
36	KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CẨM 1	900		900		TD	
37	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/08	1160/08		HẢI NAM 39	CẨM 6A.14	28 500		28 500			KDT CP:6.000 - CLM:9.000 - TTCO:13.500
	Tàu chuyển tải						155 315	91 150	64 165			
	Tàu đang làm hàng						92 915	91 150	1 765			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	27/05	1119/07		SUN GOLD	CẨM 6A.1	43 800	43 586	214	08/08		KVCP:11.749,41 - TTHG:31.836,83
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	04/08	1151/08		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000	25 906	94	11/08		KDT CP:10.963,77 - TTHG:14.941,95
3	ĐIỆN VŨNG ÁNG	27/07	1115/07		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.10	23 115	21 658	1 457	DỠ		
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						62 400		62 400			
1	THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	4 500		4 500			
							4 100		4 100			
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	08/08	1165/08		HẢI NAM 85	CẨM 6A.10	30 800		30 800			KDT CP:5.000 - CLM:15.000 - KVCP:10.800
4	ĐIỆN VŨNG ÁNG	10/08	1168/08		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5A.14	23 000		23 000			CLM:14.000 - KDT CP:9.000
	KHO G9-HÓA CHẤT						43 820	21 174	22 646			
	Tàu đã làm hàng						21 353	21 174	179			
1	CP ĐTTM&DV	06/8	252	20/8	BN 2056	CẨM 7C	1 072	1 069	3	07/8	TD	
2	CP ĐTTM&DV	05/8	179	19/8	BN 1818	CẨM 8A	1 982	1 965	17	07/8	TD	
3	CẦU ĐUÔNG	07/8	275	21/8	HN 2187	CẨM 8A	1 000	998	2	07/8	TD	
4	SÔNG HỒNG	07/8	277	21/8	HN 1645	CẨM 8A	917	915	2	07/8	TD	
5	NINH BÌNH	07/8	293	21/8	BN 2683	CẨM 7B	1 960	1 936	24	08/8	PT	
6	NINH BÌNH	07/8	294	21/8	HD 2876	CẨM 7B	2 230	2 218	12	08/8	PT	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2025

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 08 NĂM 2025

[illegible]

